

Số: 1273/TB-GTCB

Cao Bằng, ngày 10 tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO TỔ CHỨC CHÀO GIÁ RỘNG RÃI
Cung cấp Vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất
tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, Phiên chào giá ngày 25/8/2021

Công ty CP Gang thép Cao Bằng (CISCO) tổ chức Phiên chào giá tìm kiếm Nhà cung cấp Vật liệu chịu lửa (VLCL) vào hồi 15h30 ngày 25/8/2021 tại Văn phòng Công ty CP Gang thép Cao Bằng ở địa chỉ Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Kính mời đại diện Quý khách hàng là các doanh nghiệp, hợp tác xã trong và ngoài nước, có chức năng và khả năng cung cấp hàng hóa tham gia chào giá để cung cấp toàn bộ VLCL phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng mà Công ty CP Gang thép Cao Bằng có nhu cầu mua sắm tại Phiên chào giá này.

Thông tin chi tiết về Phiên chào giá cụ thể như sau:

1. Tên hàng hóa, qua cách, chất lượng và số lượng:

Chi tiết về đơn hàng xem Phụ lục đính kèm.

Các khách hàng tham gia Phiên chào giá có thể tham khảo thêm về quy cách, chủng loại và thông tin về chất lượng hàng hóa thực tế tại Công ty CP Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

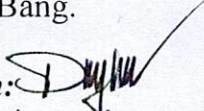
2. Các thông tin liên quan đến hàng hóa chào giá, Phiên chào giá được quy định cụ thể trong bộ Hồ sơ mời chào giá phát hành kèm theo Thông báo này.

3. Thời gian, địa điểm nhận Hồ sơ mời chào giá: Từ 09h00 ngày 10/8/2021 đến 15h00 ngày 25/8/2021, tại phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

4. Thời gian nộp hồ sơ chào giá: Từ 15h00 ngày 10/8/2021 đến 15h00 ngày 25/8/2021.

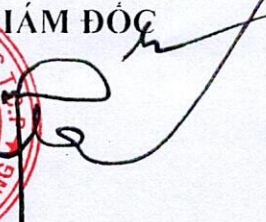
5. Hồ sơ chào giá sẽ được mở công khai vào hồi 15h30 ngày 25/8/2021 tại Văn phòng Công ty, Km7, QL 4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

6. Địa chỉ thông báo và niêm yết thông tin chào giá: Thông tin Phiên chào giá hàng hóa được thông báo trên website Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và trên website của Công ty, đồng thời được niêm yết tại trụ sở Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

Nơi nhận: 
- Các đơn vị quan tâm;
- Website Cty;
- HDG Cty;
- Lưu: VP, KHVT.



GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Phương

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số 1273/TB-GTCT ngày 10/8/2021)

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa:

- Tên đơn hàng: Cung cấp Vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

- Số hiệu đơn hàng: VLCL082021.

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng ±5%	Ghi chú
A	KHU VỰC LUYỆN GANG				
I	Máng ra gang				
1	Bê tông đầm máng gang	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ ≥ 65%, SiC + C ≥ 10% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C,)	Tấn	140	
2	Bê tông đầm ụ chắn xỉ	Bột chịu lửa, Al ₂ O ₃ ≥ 65%, SiC ≥ 22%, C ≥ 5%, Fe ₂ O ₃ ≤ 0,8% (Chịu nhiệt độ ≥ 1800 độ C)	Tấn	36	
II	Thùng nước gang 35 tấn				
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ + SiO ₂ ≥ 65%, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	57,6	
2	Bê tông vữa thùng gang	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ 60,8%; SiC 7,8% (Chịu nhiệt độ 1790 độ C).	Tấn	68	
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa Al ₂ O ₃ 55,62%; SiO ₂ 30,63%; Fe ₂ O ₃ 2,16%; chịu nhiệt 16000 C.	Tấn	88,2	
4	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ 61,4% (Chịu nhiệt độ 1790 độ C,)	Tấn	10,5	
III	Bùn bột lỗ gang				
1	Bùn bột lỗ gang (dạng bùn khô)	Vữa Chịu lửa kết cấu: Al ₂ O ₃ ≥ 30%; SiC 5-15%; SiO ₂ ≤ 25%; C ≥ 12%; (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	420	
B	KHU VỰC LUYỆN THÉP				
I	Thùng trung gian 8T				
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ ≥ 65% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	48	
2	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: SiO ₂ ≥ 90%; Fe ₂ O ₃ ≤ 2% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	600	
3	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: SiO ₂ ≥ 80%; Fe ₂ O ₃ ≤ 2,5% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)		50	
4	Gạch bộ thùng trung gian	Gạch chịu lửa Al ₂ O ₃ ≥ 65%, kích thước (225x225x140)mm, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	1.000	
5	Cốc rót dưới F16 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, Al ₂ O ₃ ≥ 72%; Fe ₂ O ₃ ≤ 1%; F16 - F17 mm. cao 53 mm, miệng trên 125 mm, miệng dưới 115mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, tỷ trọng 1,2 kg/viên)	Viên	1.000	
6	Cốc rót trên F16,5 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, Al ₂ O ₃ ≥ 72%; Fe ₂ O ₃ ≤ 1%; Cao 180 mm, miệng trên 105 mm, miệng dưới 125 mm, F16,5-F17 mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, tỷ trọng ≥ 05kg/viên)	Viên	1.000	



STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng ±5%	Ghi chú
7	Viên hoãn xung	Gạch chịu lửa dạng bột Al ₂ O ₃ 66,73%; SiO ₂ 27,34%; Fe ₂ O ₃ 0,75%; (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	500	
8	Cát dẫn dòng	Vật liệu chịu lửa dạng hạt (Đất sét chịu lửa SiO ₂ 73,51%; Cr ₂ O ₃ 8,74%), cỡ hạt <1 mm	Tấn	1,2	
9	Cơ cấu thay cốc nhanh		Bộ	20	
10	Gạch chèn khe hở cơ cấu thay cốc nhanh		Viên	1.000	
II	Lò Chuyển				
1	Bộ gạch lò thổi 20 tấn (Bao gồm chi phí xây, hoàn thiện và bàn giao)		Bộ	1,0	
2	Gạch vá lò	Gạch chịu lửa MgO ≥82%, C ≤4%, KT(200x150x60)mm; (Chịu nhiệt độ ≥1550 độ C)	Tấn	22	
3	Gạch lỗ ra thép	Gạch chịu lửa cửa ra thép lò thổi, MgO ≥76%; C ≥14%, kích thước dài 1080mm, đường kính ngoài fi 200mm, đường kính trong fi 100mm; (Chịu nhiệt độ ≥1650 độ C)	Viên	60	
4	Liệu vá thủ công	Bột chịu lửa: MgO ≥75%, C ≥5% (Chịu nhiệt độ ≥1570 độ C)	Tấn	200	
5	Liệu vá cửa ra thép	Bột chịu lửa để vá tầng làm việc lò thổi; MgO ≥75%, C ≥3% (Chịu nhiệt độ ≥1650 độ C)	Tấn	10	
6	Bi chắn xỉ	Bi chắn xỉ Ø160mm Al ₂ O ₃ + SiO ₂ ≥80% (Chịu nhiệt độ ≥1650 độ C, tỷ trọng ≤15kg/viên)	Tấn	80	
7	Bi chắn xỉ	Bi chắn xỉ Ø180mm Al ₂ O ₃ + SiO ₂ ≥80% (Chịu nhiệt độ ≥1650 độ C, tỷ trọng ≤18kg/viên)	Tấn	80	
III	Thùng nước gang 25 tấn				
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột đầm chịu lửa (Al ₂ O ₃ 60,8%; SiC 7,8%;	Tấn	30	
2	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa (Al ₂ O ₃ 61,4%)	Tấn	6	
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 55,62%; SiO ₂ 30,63%; Fe ₂ O ₃ 2,16%;)	Tấn	53,28	
IV	Thùng thép 25T				
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa Al ₂ O ₃ + MgO ≥ 80% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, dùng cho lò luyện kim).	Tấn	1.005	
2	Gạch thấu khí	Gạch chịu lửa Al ₂ O ₃ + Cr ₂ O ₃ 96,10%; KT (300x300x370)mm (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	67	
3	Tấm trượt trên dưới	Gạch chịu lửa tấm trượt C40; Al ₂ O ₃ ≥80%; C ≥3%; KT (239x159x40)mm (Chịu nhiệt độ ≥1550 độ C)	Viên	20.000	
4	Gạch bệ thùng thép	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 81,06%;), KT (300x300x300)mm	Viên	67	
5	Gạch cửa thép lồng trên	Gạch chịu lửa cửa trên thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 80,46%; C 5,72%;	Viên	667	
6	Gạch cửa thép lồng dưới	Gạch chịu lửa cửa dưới thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 76,12%; C 5,86%;	Viên	10.000	
7	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ 61,4% (Chịu nhiệt độ 1790 độ C)	Tấn	18	
8	Cát dẫn dòng	VLCL dạng hạt (Đất sét chịu lửa SiO ₂ 73,51%; Cr ₂ O ₃ 8,74%), cỡ hạt <1 mm	Tấn	60	
9	Cơ cấu trượt thùng thép		Bộ	12	

- Địa điểm thực hiện: Tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng.

2. Thời gian thực hiện:

Trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/9/2022.

4. Xuất xứ hàng hóa:

Hàng hóa được sản xuất tại các nhà máy lớn có uy tín, trong hoặc ngoài Việt Nam.

- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước:

Bản chính (hoặc bản sao do Nhà cung cấp ký tên đóng dấu xác nhận) chứng thư xác nhận nguồn gốc hàng hóa do Nhà sản xuất hàng hóa trong nước phát hành được chấp nhận.

Trường hợp Nhà cung cấp không trực tiếp mua hàng hóa từ Nhà sản xuất trong nước mà mua qua một (hoặc một số) đơn vị trung gian thương mại thì Nhà cung cấp có trách nhiệm lấy đầy đủ các xác nhận từ các đơn vị trung gian thương mại này làm cơ sở để chứng minh đơn vị trung gian thương mại đầu tiên đã mua hàng hóa từ Nhà sản xuất trong nước và theo chuỗi cung cấp thông qua các đơn vị trung gian thương mại thì hàng hóa đã được cung cấp đến Nhà cung cấp.

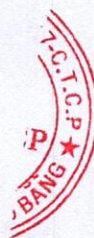
- Đối với hàng hóa nguồn gốc nhập khẩu:

Chứng nhận xuất xứ (C/O) do cơ quan chức năng có thẩm quyền của quốc gia xuất xứ hàng hóa cung cấp. Bản chính hoặc bản sao C/O do Nhà cung cấp ký tên và đóng dấu được chấp nhận.

Trường hợp Nhà cung cấp không trực tiếp mua hàng hóa từ nhà xuất khẩu nước ngoài mà mua qua một (hoặc một số) đơn vị trung gian thương mại trong nước hoặc ngoài nước thì Nhà cung cấp có trách nhiệm lấy đầy đủ các xác nhận từ các đơn vị trung gian thương mại này làm cơ sở để chứng minh đơn vị trung gian thương mại đầu tiên đã mua hàng hóa từ nhà sản xuất nước ngoài và theo chuỗi cung cấp thông qua các đơn vị trung gian thương mại hàng hóa đã được cung cấp đến Nhà cung cấp.

5. Chứng nhận chất lượng hàng hóa:

Chứng chỉ xuất xưởng (*Mill test, Factory's Certificate*) do nhà sản xuất hàng hóa cung cấp có giá trị như là Chứng nhận chất lượng (C/Q) cho hàng hóa. Bản chính (hoặc bản sao có chữ ký và đóng dấu xác nhận của Nhà cung cấp) đối với Chứng chỉ xuất xưởng này được chấp nhận.



Số: 917/QĐ-GTCB

Cao Bằng, ngày 10 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hồ sơ mời chào giá Cung cấp vật liệu chịu lửa (VLCL)
Phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng
(Phiên chào giá rộng rãi ngày 25/8/2021)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; Sửa đổi, bổ sung lần 3 ngày 27/4/2018;

Căn cứ Quyết định số 1925/QĐ-HDQT ngày 30/11/2018 của Hội đồng quản trị Công ty CP Gang thép Cao Bằng về việc ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty CP Gang thép Cao Bằng.


Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-GTCB ngày 18/3/2021 của Giám đốc Công ty về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục và quản lý mua sắm vật tư của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng;

Theo đề nghị của Hội đồng giá Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Hồ sơ chào giá Cung cấp Vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ban giám đốc, Trưởng các phòng chức năng Công ty, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng giá Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 
- Như Điều 2;
- Lưu: VP, KHVT.



GIÁM ĐỐC 

Nguyễn Văn Phương

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-GTCB ngày 10/8/2021)

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên đơn hàng: Cung cấp Vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

Số hiệu đơn hàng VLCL082021

Phát hành ngày: 10/8/2021.

BÊN MỜI CHÀO GIÁ
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phương

Chương I. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Bên mời chào giá

1. Tên bên mời chào giá: Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.
2. Địa chỉ: Số 052 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
3. Điện thoại: 0206 3 953 369; Fax: 0206 3 953 268.
4. E-mail: gangthepcb@gmail.com.

Mục 2. Các yêu cầu về hàng hóa

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh (Bản sao).
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy ủy quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).
3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:
 - Bản sao Báo cáo tài chính năm 2020.
 - Bản sao Tờ khai thuế GTGT năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021.
 - Bản sao Hợp đồng đã từng cung cấp VLCL tương tự cho Các Khu liên hợp Gang thép (Cung cấp VLCL cho cả khu vực Luyện Gang và Khu vực Luyện Thép).

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a. Giá chào:

Giá chào là do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại Địa điểm theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá và bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

b. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được đề xuất giảm giá này trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

2. Địa điểm, thời gian thực hiện đơn hàng:

- Địa điểm thực hiện: Tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
- Thời gian thực hiện: Trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/9/2022.

3. Thanh toán: Bên mua thanh toán 100% cho bên Bán giá trị tương ứng với số lượng vật liệu chịu lửa sử dụng trong tháng được hai bên nghiệm thu trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bên Bán cung cấp đầy đủ các chứng từ hợp lệ.

4. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hóa chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và có nguồn gốc hợp pháp.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 (một) bộ bản gốc bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng: Theo Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng theo Mẫu số 01, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu. Nhà cung cấp bắt buộc phải chào giá cho toàn bộ các hạng mục Khu vực Luyện gang và Luyện thép.

Đơn chào hàng phải được đựng riêng biệt trong phong bì dán kín có dấu niêm phong của Nhà cung cấp.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm cung cấp hàng hóa của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

3. Bảo đảm tham gia chào giá:

- Hình thức bảo đảm tham gia chào giá: Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản số 33010000017892 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng của Bên mời chào giá trước khi nộp Hồ sơ chào giá cho Bên mời chào giá. Thời điểm ghi có cho tài khoản của Bên mời chào giá tại Ngân hàng nhận được coi là thời điểm khách hàng hoàn tất việc nộp tiền đặt cọc bảo đảm tham gia chào giá và phải được phòng Kế toán Tài chính của Bên mời chào giá xác nhận bằng văn bản.

Trong trường hợp nếu khách hàng tham gia chào giá có công nợ dư có tại Công ty theo các Hợp đồng kinh tế đã phát sinh trước đây thì có thể dùng phần dư có đó để chuyển thành bảo đảm tham gia chào giá nếu phần dư có đủ giá trị theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá. Nếu chưa đủ có thể chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt bổ sung cho phần thiếu hụt. Khách hàng tham gia chào giá phải làm đơn đề nghị và được phòng Kế toán Tài chính của Bên mời chào giá xác nhận.

- Giá trị của Bảo đảm tham gia chào giá: **1.500.000.000 đồng** (Một tỷ, năm trăm triệu đồng).

- Xử lý Bảo đảm tham gia chào giá:

+ Bảo đảm tham gia chào giá sẽ được trả lại cho các Nhà cung cấp khi:

(i) Không được Bên mời chào giá lựa chọn chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả Phiên chào giá.

(ii) Nhà cung cấp trúng chào giá trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Nhà cung cấp trúng chào giá hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Hợp đồng được ký giữa hai bên.

+ Bảo đảm tham gia chào giá sẽ không được hoàn trả cho Nhà cung cấp khi:

(i) Nhà cung cấp rút Hồ sơ chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

(ii) Nhà cung cấp được Bên mời chào giá lựa chọn làm Nhà cung cấp trúng chào giá nếu Nhà cung cấp trúng chào giá từ chối ký Hợp đồng (trong thời gian quy định tại Mục 13) hoặc ký Hợp đồng nhưng không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá là **30** (ba mươi) ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá

1. Hồ sơ chào giá phải được đựng trong túi hồ sơ dán kín, có dấu niêm phong của Nhà cung cấp và bên ngoài ghi rõ “**HỒ SƠ CHÀO GIÁ**”. Hồ sơ chào giá được nộp trực tiếp hoặc gửi đến Bên mời chào giá theo địa chỉ: Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng không muộn hơn **15h00 ngày 25/8/2021**. Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng (trừ trường hợp xử lý tình huống khi chỉ có ít hơn 03 (ba) Nhà cung cấp nộp Hồ sơ chào giá). Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp thì việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành theo quy định mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các Nhà cung cấp sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ chào giá cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Bên mời chào giá yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa Nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 (ba) ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ và năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ,

năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về giá:

- Cách xác định giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định giá chào đối với toàn bộ các mục dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về thanh toán, giao hàng, v.v...

+ Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá.

So sánh tổng giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có tổng giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

Mục 11. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ mời chào giá;

2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hóa theo xếp hạng các Hồ sơ chào giá từ thấp nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Bên mời chào giá bảo lưu toàn bộ quyền lựa chọn nhiều hơn 01 (một) Nhà cung cấp hoặc không lựa chọn Nhà cung cấp nào.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% (năm phần trăm) giá trị hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nộp tiền mặt, chuyển khoản cho Bên mời chào giá hoặc Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá để bảo đảm thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp Nhà cung cấp được lựa chọn có công nợ dư có tại Bên mời chào giá theo các Hợp đồng kinh tế đã phát sinh trước đây thì có thể dùng phần dư có đó để chuyển thành bảo đảm thực hiện hợp đồng nếu phần dư có đủ giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng. Nếu chưa đủ có thể chuyển khoản bổ sung cho phần thiếu hụt.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến ngày bên bán hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

Mục 13. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ được mời ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện theo dự thảo Hợp đồng Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên mời chào giá ra văn bản thông báo kết quả lựa chọn, Nhà cung cấp trúng chào giá phải tiến hành xong việc thương thảo và ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa toàn bộ lượng hàng hóa được Bên mời chào giá chọn mua của Nhà cung cấp trong Phiên chào giá. Sau thời hạn trên, nếu Nhà cung cấp trúng chào giá không tiến hành việc thương thảo và ký kết Hợp đồng, hoặc sau khi ký Hợp đồng nhưng không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng, thì được xem như Nhà cung cấp ấy từ chối tư cách Nhà cung cấp trúng chào giá. Bên mời chào giá có thể hủy kết quả chào giá hoặc mời Nhà cung cấp đạt yêu cầu tiếp theo trong Phiên chào giá để thương thảo và ký kết Hợp đồng.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp chỉ được quyền chào giá toàn bộ lượng hàng hóa tham gia mời chào giá theo nội dung yêu cầu dưới đây:

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa:

- Tên đơn hàng: Cung cấp Vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

- Số hiệu đơn hàng: VLCL082021.

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng $\pm 5\%$	Ghi chú
A	KHU VỰC LUYỆN GANG				
I	Máng ra gang				
1	Bê tông đầm máng gang	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC+C \geq 10\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C),	Tấn	140	
2	Bê tông đầm ụ chắn xỉ	Bột chịu lửa, $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC \geq 22\%$, $C \geq 5\%$, $Fe_2O_3 \leq 0,8\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1800 độ C)	Tấn	36	
II	Thùng nước gang 35 tấn				
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 + SiO_2 \geq 65\%$, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	57,6	
2	Bê tông vữa thùng gang	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 60,8\%$; $SiC 7,8\%$ (Chịu nhiệt độ 1790 độ C).	Tấn	68	
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa $Al_2O_3 55,62\%$; $SiO_2 30,63\%$; $Fe_2O_3 2,16\%$; chịu nhiệt 16000 C.	Tấn	88,2	
4	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 61,4\%$ (Chịu nhiệt độ 1790 độ C,)	Tấn	10,5	
III	Bùn bột lò gang				
1	Bùn bột lò gang (dạng bùn khô)	Vữa Chịu lửa kết cấu: $Al_2O_3 \geq 30\%$; $SiC 5-15\%$; $SiO_2 \leq 25\%$; $C \geq 12\%$; (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	420	
B	KHU VỰC LUYỆN THÉP				
I	Thùng trung gian 8T				
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	48	
2	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: $SiO_2 \geq 90\%$; $Fe_2O_3 \leq 2\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	600	
3	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: $SiO_2 \geq 80\%$; $Fe_2O_3 \leq 2,5\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)		50	
4	Gạch bệ thùng trung gian	Gạch chịu lửa $Al_2O_3 \geq 65\%$, kích thước (225x225x140)mm, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	1.000	
5	Cốc rót dưới F16 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, $Al_2O_3 \geq 72\%$; $Fe_2O_3 \leq 1\%$; F16 - F17 mm. cao 53 mm, miệng trên 125 mm, miệng dưới 115mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, tỷ trọng 1,2 kg/viên)	Viên	1.000	
6	Cốc rót trên F16,5 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, $Al_2O_3 \geq 72\%$; $Fe_2O_3 \leq 1\%$; Cao 180 mm, miệng trên 105 mm, miệng dưới 125 mm, F16,5-F17 mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, tỷ trọng ≥ 05 kg/viên)	Viên	1.000	

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng ±5%	Ghi chú
7	Viên hoãn xung	Gạch chịu lửa dạng bột Al ₂ O ₃ 66,73%; SiO ₂ 27,34%; Fe ₂ O ₃ 0,75%; (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	500	
8	Cát dẫn dòng	Vật liệu chịu lửa dạng hạt (Đất sét chịu lửa SiO ₂ 73,51%; Cr ₂ O ₃ 8,74%), cỡ hạt <1 mm	Tấn	1,2	
9	Cơ cấu thay cốc nhanh		Bộ	20	
10	Gạch chèn khe hở cơ cấu thay cốc nhanh		Viên	1.000	
II	Lò Chuyển				
1	Bộ gạch lò thổi 20 tấn (Bao gồm chi phí xây, hoàn thiện và bàn giao)		Bộ	1,0	
2	Gạch vá lò	Gạch chịu lửa MgO ≥ 82%, C ≤ 4%, KT(200x150x60)mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	22	
3	Gạch lỗ ra thép	Gạch chịu lửa cửa ra thép lò thổi, MgO ≥ 76%; C ≥ 14%, kích thước dài 1080mm, đường kính ngoài fi 200mm, đường kính trong fi 100mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	Viên	60	
4	Liệu vá thủ công	Bột chịu lửa: MgO ≥ 75%, C ≥ 5% (Chịu nhiệt độ ≥ 1570 độ C)	Tấn	200	
5	Liệu vá cửa ra thép	Bột chịu lửa đế và tầng làm việc lò thổi; MgO ≥ 75%, C ≥ 3% (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	Tấn	10	
6	Bi chắn xỉ	Bi chắn xỉ Ø160mm Al ₂ O ₃ + SiO ₂ ≥ 80% (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C, tỷ trọng ≤ 15kg/viên)	Tấn	80	
7	Bi chắn xỉ	Bi chắn xỉ Ø180mm Al ₂ O ₃ + SiO ₂ ≥ 80% (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C, tỷ trọng ≤ 18kg/viên)	Tấn	80	
III	Thùng nước gang 25 tấn				
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột đầm chịu lửa (Al ₂ O ₃ 60,8%; SiC 7,8%;	Tấn	30	
2	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa (Al ₂ O ₃ 61,4%)	Tấn	6	
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 55,62%; SiO ₂ 30,63%; Fe ₂ O ₃ 2,16%;)	Tấn	53,28	
IV	Thùng thép 25T				
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa Al ₂ O ₃ + MgO ≥ 80% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, dùng cho lò luyện kim).	Tấn	1.005	
2	Gạch thấu khí	Gạch chịu lửa Al ₂ O ₃ + Cr ₂ O ₃ 96,10%; KT (300x300x370)mm (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	67	
3	Tấm trượt trên dưới	Gạch chịu lửa tấm trượt C40; Al ₂ O ₃ ≥ 80%; C ≥ 3%; KT (239x159x40)mm (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	20.000	
4	Gạch bệ thùng thép	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 81,06%;), KT (300x300x300)mm	Viên	67	
5	Gạch cửa thép lỏng trên	Gạch chịu lửa cửa trên thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 80,46%; C 5,72%;	Viên	667	
6	Gạch cửa thép lỏng dưới	Gạch chịu lửa cửa dưới thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 76,12%; C 5,86%;	Viên	10.000	
7	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ 61,4% (Chịu nhiệt độ 1790 độ C)	Tấn	18	
8	Cát dẫn dòng	VLCL dạng hạt (Đất sét chịu lửa SiO ₂ 73,51%; Cr ₂ O ₃ 8,74%), cỡ hạt <1 mm	Tấn	60	
9	Cơ cấu trượt thùng thép		Bộ	12	

- Địa điểm thực hiện: Tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng.

2. Thời gian thực hiện:

Trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/9/2022.

3. Tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa:

3.1 Các tiêu chuẩn của hàng hóa: Hàng hóa cung cấp mới 100%, đảm bảo được các yêu cầu sản xuất của bên sử dụng, đồng thời phải đáp ứng được các điều kiện cụ thể theo bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: Thời gian sử dụng tối thiểu của các hạng mục chính

TT	TÊN KHU VỰC/ CHUNG LOẠI HÀNG HÓA	THỜI GIAN SỬ DỤNG TỐI THIỂU
A	KHU VỰC LUYỆN GANG	
A.1	Máng ra gang	
	- Bê tông đầm máng gang	60 ngày sản xuất
	- Bê tông Ụ chắn xi	60 ngày sản xuất
A.2	Gạch thùng gang 35 tấn	600 mẻ
A.3	Bùn bịt lỗ gang	Đảm bảo ra gang tối thiểu 24 mẻ/ngày, thời gian ra gang ổn định >35 phút/mẻ
B	KHU VỰC LUYỆN THÉP	
B.1	Thùng trung gian 8T	≥16h
B.2	Bộ gạch Lò thổi 20T	12.000 mẻ
B.3	Thùng nước gang 25 tấn	1.200 mẻ
B.4	Thùng thép 25T	150 mẻ
B.5	Gạch cửa thép lỏng trên	≥ 15 mẻ

3.2. Định mức sử dụng và thời gian sử dụng tối thiểu của một số vật liệu không có trong bảng bảng 1 trên thì áp dụng theo bảng 2 dưới đây

Bảng 2: Định mức và thời gian sử dụng tối thiểu của một số vật liệu

STT	Tên khu vực/chung loại hàng hóa	Quy cách	Định mức sử dụng	Thời gian sử dụng tối thiểu
A	Khu vực Luyện Gang			
1	Bê tông đầm máng gang chính	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ ≥ 65%, SiC+C ≥ 10% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C,)	15 tấn/1 lần đầm	≥ 60 ngày
	Bê tông vữa máng gang		05 tấn/60 ngày	
	Bê tông đầm máng dẫn xi		20 tấn/năm	
2	Bê tông đầm ụ chắn xi	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ ≥ 65%, SiC ≥ 22%, C ≥ 5%, Fe ₂ O ₃ ≤ 0,8% (Chịu nhiệt độ ≥ 1800 độ C)	36 tấn/năm	≥ 60 ngày
B	Khu vực Luyện Thép			
I	Thùng Trung gian 8T			
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: SiO ₂ ≥ 90%; Fe ₂ O ₃ ≤ 2% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	1,3 tấn/1 lần đầm	≥ 16giờ
2	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: SiO ₂ ≥ 80%; Fe ₂ O ₃ ≤ 2,5% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	1,3 tấn/1 lần đầm	≥ 08giờ
3	Cốc rót dưới F16 - F17		2 viên/thùng	

STT	Tên khu vực/chủng loại hàng hóa	Quy cách	Định mức sử dụng	Thời gian sử dụng tối thiểu
4	Cốc rót trên F16,5 - F17		2 viên/thùng	
III	Lò chuyên			
1	Gạch lỗ ra thép	Gạch chịu lửa cửa ra thép lò thổi, MgO \geq 76%; C \geq 14%, kích thước dài 1080mm, đường kính ngoài ϕ 200mm, đường kính trong ϕ 100mm; (Chịu nhiệt độ \geq 1650 độ C)	60 viên/năm	\geq 200 mẻ
III	Thùng thép 25T			
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ + MgO \geq 80% (Chịu nhiệt độ \geq 1550 độ C).	14 tấn/1 lần đầm	\geq 150 mẻ
2	Bê tông đầm tầng làm việc (Vá thùng thép)	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ + MgO \geq 80% (Chịu nhiệt độ \geq 1550 độ C).	01 tấn	tối đa 03 lần vá/thùng
3	Gạch cửa thép lỏng trên	Gạch chịu lửa cửa trên thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 80,46%; C 5,72%;	viên	\geq 15 mẻ

3.3. Phạt không đảm bảo chất lượng:

Trường hợp chất lượng các loại Vật liệu chịu lửa không đảm bảo theo yêu cầu theo Mục 3.1, 3.2 nêu trên thì bên cung cấp Cung cấp phải chịu phạt cụ thể như sau:

TT	TÊN KHU VỰC/ CHủng LOẠI HÀNG HÓA	THỜI GIAN SỬ DỤNG TỐI THIỂU	MỨC PHẠT		
A	KHU VỰC LUYỆN GANG				
A.1	Bê tông máng gang chính	60 ngày	50 triệu đồng (Sử dụng từ 50-60 ngày)	100 triệu đồng (Sử dụng từ 40-49 ngày)	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 40 ngày)
A.1	Bê tông ụ chắn xi	60 ngày	50 triệu đồng (Sử dụng từ 50-60 ngày)	100 triệu đồng (Sử dụng từ 40-49 ngày)	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 40 ngày)
A.2	Thùng nước gang 35 tấn	600 mẻ	20 triệu đồng (Sử dụng từ 550-599 mẻ)	40 triệu đồng (Sử dụng 500-549 mẻ)	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 500mẻ)
B	KHU VỰC LUYỆN THÉP				
B.1	Bộ gạch Lò thổi	12.000 mẻ	<ul style="list-style-type: none"> - 100 triệu đồng (Sử dụng từ 11.000-11.999 mẻ) - 200 triệu đồng (Sử dụng từ 10.000-10.999 mẻ) - 700 triệu đồng (Sử dụng từ 9.000 - 9.999 mẻ) - 1.000 triệu đồng (Sử dụng từ 8.000 - 8.999 mẻ) - 50% giá trị bộ gạch (Sử dụng từ 7.000-7.999 mẻ) - Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 7.000 mẻ) 		
B.2	Thùng nước gang 25 tấn	1.200 mẻ	20 triệu đồng (Sử dụng từ 1000-1199 mẻ)	40 triệu đồng (Sử dụng 800-999 mẻ)	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 800 mẻ)
B.3	Thùng thép 25T	150 mẻ	<ul style="list-style-type: none"> - 2 triệu đồng/mẻ (Sử dụng từ 120-149 mẻ) - 01 triệu đồng/lần vá (Vá từ lần thứ 4 đến lần thứ 6) - Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 120 mẻ và/hoặc vá trên 6 lần) 		
B.4	Thùng trung gian 8T (16h)	\geq 16h	10 triệu đồng (Sử dụng <16h)	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng <14h)	
B.5	Thùng trung gian 8T (08h)	\geq 08h	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng <08h)		

4. Xuất xứ hàng hóa:

Hàng hóa được sản xuất tại các nhà máy lớn có uy tín, trong hoặc ngoài Việt Nam.

- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước:

Bản chính (hoặc bản sao do Nhà cung cấp ký tên đóng dấu xác nhận) chứng thư xác nhận nguồn gốc hàng hóa do Nhà sản xuất hàng hóa trong nước phát hành được chấp nhận.

Trường hợp Nhà cung cấp không trực tiếp mua hàng hóa từ Nhà sản xuất trong nước mà mua qua một (hoặc một số) đơn vị trung gian thương mại thì Nhà cung cấp có trách nhiệm lấy đầy đủ các xác nhận từ các đơn vị trung gian thương mại này làm cơ sở để chứng minh đơn vị trung gian thương mại đầu tiên đã mua hàng hóa từ Nhà sản xuất trong nước và theo chuỗi cung cấp thông qua các đơn vị trung gian thương mại thì hàng hóa đã được cung cấp đến Nhà cung cấp.

- Đối với hàng hóa nguồn gốc nhập khẩu:

Chứng nhận xuất xứ (C/O) do cơ quan chức năng có thẩm quyền của quốc gia xuất xứ hàng hóa cung cấp. Bản chính hoặc bản sao C/O do Nhà cung cấp ký tên và đóng dấu được chấp nhận.

Trường hợp Nhà cung cấp không trực tiếp mua hàng hóa từ nhà xuất khẩu nước ngoài mà mua qua một (hoặc một số) đơn vị trung gian thương mại trong nước hoặc ngoài nước thì Nhà cung cấp có trách nhiệm lấy đầy đủ các xác nhận từ các đơn vị trung gian thương mại này làm cơ sở để chứng minh đơn vị trung gian thương mại đầu tiên đã mua hàng hóa từ nhà sản xuất nước ngoài và theo chuỗi cung cấp thông qua các đơn vị trung gian thương mại hàng hóa đã được cung cấp đến Nhà cung cấp.

5. Chứng nhận chất lượng hàng hóa:

Chứng chỉ xuất xưởng (*Mill test, Factory's Certificate*) do nhà sản xuất hàng hóa cung cấp có giá trị như là Chứng nhận chất lượng (C/Q) cho hàng hóa. Bản chính (hoặc bản sao có chữ ký và đóng dấu xác nhận của Nhà cung cấp) đối với Chứng chỉ xuất xưởng này được chấp nhận.

Chương III. QUY ĐỊNH BIỂU MẪU HỒ SƠ CHÀO GIÁ ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày tháng năm 2021.

Tên đơn hàng: *Cung cấp Vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.*

Số hiệu đơn hàng: *VLCL082021.*

Kính gửi: Công ty CP Gang thép Cao Bằng

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá cung cấp Vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi:

....., cam kết thực hiện đơn hàng: *Cung cấp vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với các nội dung như sau:*

1. Đơn giá và giá trị đơn hàng:

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng ±5%	Đơn giá	Thành tiền
A	KHU VỰC LUYỆN GANG					
I	Máng ra gang					
1	Bê tông đầm máng gang	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC+C \geq 10\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C.)	Tấn	140		
2	Bê tông đầm ụ chắn xỉ	Bột chịu lửa, $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC \geq 22\%$, $C \geq 5\%$, $Fe_2O_3 \leq 0,8\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1800 độ C)	Tấn	36		
II	Thùng nước gang 35 tấn					
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 + SiO_2 \geq 65\%$, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	57,6		
2	Bê tông vá thùng gang	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 60,8\%$; $SiC 7,8\%$ (Chịu nhiệt độ 1790 độ C).	Tấn	68		
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa $Al_2O_3 55,62\%$; SiO_2 $30,63\%$; $Fe_2O_3 2,16\%$; chịu nhiệt 16000 C.	Tấn	88,2		
4	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 61,4\%$ (Chịu nhiệt độ 1790 độ C,)	Tấn	10,5		
III	Bùn bột lỗ gang					

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng $\pm 5\%$	Đơn giá	Thành tiền
1	Bùn bịt lỗ gang (dạng bùn khô)	Vữa Chịu lửa kết cấu: $Al_2O_3 \geq 30\%$; SiC 5-15%; $SiO_2 \leq 25\%$; $C \geq 12\%$; (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	420		
B	KHU VỰC LUYỆN THÉP					
I	Thùng trung gian 8T					
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	48		
2	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: $SiO_2 \geq 90\%$; $Fe_2O_3 \leq 2\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	600		
3	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: $SiO_2 \geq 80\%$; $Fe_2O_3 \leq 2,5\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)		50		
4	Gạch bê tông trung gian	Gạch chịu lửa $Al_2O_3 \geq 65\%$, kích thước (225x225x140)mm, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	1.000		
5	Cốc rót dưới F16 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, $Al_2O_3 \geq 72\%$; $Fe_2O_3 \leq 1\%$; F16 - F17 mm. cao 53 mm, miệng trên 125 mm, miệng dưới 115mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, tỷ trọng 1,2 kg/viên)	Viên	1.000		
6	Cốc rót trên F16,5 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, $Al_2O_3 \geq 72\%$; $Fe_2O_3 \leq 1\%$; Cao 180 mm, miệng trên 105 mm, miệng dưới 125 mm, F16,5-F17 mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, tỷ trọng $\geq 0,5$ kg/viên)	Viên	1.000		
7	Viên hoàn xung	Gạch chịu lửa dạng bột Al_2O_3 66,73%; SiO_2 27,34%; Fe_2O_3 0,75%; (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	500		
8	Cát dẫn dòng	Vật liệu chịu lửa dạng hạt (Đất sét chịu lửa SiO_2 73,51%; Cr_2O_3 8,74%), cỡ hạt <1 mm	Tấn	1,2		
9	Cơ cấu thay cốc nhanh		Bộ	20		
10	Gạch chèn khe hở cơ cấu thay cốc nhanh		Viên	1.000		
II	Lò Chuyển					
1	Bộ gạch lò thổi 20 tấn (Bao gồm chi phí xây, hoàn thiện và bàn giao)		Bộ	1,0		
2	Gạch vữa lò	Gạch chịu lửa $MgO \geq 82\%$, $C \leq 4\%$, KT(200x150x60)mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	22		
3	Gạch lỗ ra thép	Gạch chịu lửa cửa ra thép lò thổi, $MgO \geq 76\%$; $C \geq 14\%$, kích thước dài 1080mm, đường kính ngoài ϕ 200mm, đường kính trong ϕ 100mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	Viên	60		
4	Liệu vữa thủ công	Bột chịu lửa: $MgO \geq 75\%$, $C \geq 5\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1570 độ C)	Tấn	200		
5	Liệu vữa cửa ra thép	Bột chịu lửa để vữa tầng làm việc lò thổi; $MgO \geq 75\%$, $C \geq 3\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	Tấn	10		

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng $\pm 5\%$	Đơn giá	Thành tiền
6	Bi chắn xi	Bi chắn xi Ø160mm Al ₂ O ₃ + SiO ₂ ≥80% (Chịu nhiệt độ ≥1650 độ C, tỷ trọng ≤15kg/viên)	Tấn	80		
7	Bi chắn xi	Bi chắn xi Ø180mm Al ₂ O ₃ + SiO ₂ ≥80% (Chịu nhiệt độ ≥1650 độ C, tỷ trọng ≤18kg/viên)	Tấn	80		
III	Thùng nước gang 25 tấn					
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột đầm chịu lửa (Al ₂ O ₃ 60,8%; SiC 7,8%;	Tấn	30		
2	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa (Al ₂ O ₃ 61,4%)	Tấn	6		
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 55,62%; SiO ₂ 30,63%; Fe ₂ O ₃ 2,16%;)	Tấn	53,28		
IV	Thùng thép 25T					
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa Al ₂ O ₃ + MgO ≥ 80% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, dùng cho lò luyện kim).	Tấn	1.005		
2	Gạch thấu khí	Gạch chịu lửa Al ₂ O ₃ + Cr ₂ O ₃ 96,10%; KT (300x300x370)mm (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	67		
3	Tấm trượt trên dưới	Gạch chịu lửa tấm trượt C40; Al ₂ O ₃ ≥80%; C ≥3%; KT (239x159x40)mm (Chịu nhiệt độ ≥1550 độ C)	Viên	20.000		
4	Gạch bộ thùng thép	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 81,06%;), KT (300x300x300)mm	Viên	67		
5	Gạch cửa thép lồng trên	Gạch chịu lửa cửa trên thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 80,46%; C 5,72%;	Viên	667		
6	Gạch cửa thép lồng dưới	Gạch chịu lửa cửa dưới thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 76,12%; C 5,86%;	Viên	10.000		
7	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ 61,4% (Chịu nhiệt độ 1790 độ C)	Tấn	18		
8	Cát dẫn dòng	VLCL dạng hạt (Đất sét chịu lửa SiO ₂ 73,51%; Cr ₂ O ₃ 8,74%), cỡ hạt <1 mm	Tấn	60		
9	Cơ cấu trượt thùng thép		Bộ	12		

(Bảng chữ:)

Giá chào nêu trên đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí khác (nếu có) và được thực hiện giao hàng tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, địa chỉ: Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

3. Nguồn gốc, xuất xứ: (Yêu cầu ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ)

.....

4. Thời gian thực hiện: Trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2021 đến hết ngày 30/9/2022.

5. Thanh toán: Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên mời chào giá nhận được bộ hồ sơ đề nghị thanh toán hoàn chỉnh

6. Đề xuất khác (nếu có):

.....
.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.

2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá và cam kết thực hiện đơn hàng theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong Hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian **30 ngày**, kể từ ngày [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá].

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /HĐKT/2021

V/v: Cung cấp VLCL phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng

Căn cứ Luật Dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ban hành ngày 14/6/2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ biên bản thương thảo và hoàn thiện hợp đồng;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2021, tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

I. Bên mua: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (sau đây gọi là Bên A):

- Địa chỉ: Số 052 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Điện thoại: 0206 3 953 369;

Fax: 0206 3 953 268;

- E-mail: gangthepcb@gmail.com

- Tài khoản số: 33010000017892 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng

- Mã số thuế: 4800162247

- Đại diện là ông: **Nguyễn Văn Phương**

Chức vụ: Giám đốc

II. Bên bán: Công ty (sau đây gọi là Bên B):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

Fax:

- Mã số thuế:

- Số tài khoản tại

- Đại diện là ông:

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận và ký kết hợp đồng cung cấp vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng (sau đây gọi chung là "Hợp đồng") với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1. Phạm vi cung cấp:

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý cung cấp vật liệu chịu lửa phục vụ sản xuất tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng cụ thể như sau:

1.1. Số lượng, đơn giá:

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng ±5%	Đơn giá	Thành tiền
A	KHU VỰC LUYỆN GANG					
I	Máng ra gang					
1	Bê tông đầm máng gang	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ ≥ 65%, SiC + C ≥ 10% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C.)	Tấn	140		
2	Bê tông đầm ụ chắn xỉ	Bột chịu lửa, Al ₂ O ₃ ≥ 65%, SiC ≥ 22%, C ≥ 5%, Fe ₂ O ₃ ≤ 0,8% (Chịu nhiệt độ ≥ 1800 độ C)	Tấn	36		
II	Thùng nước gang 35 tấn					
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ + SiO ₂ ≥ 65%, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	57,6		
2	Bê tông vá thùng gang	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ 60,8%; SiC 7,8% (Chịu nhiệt độ 1790 độ C).	Tấn	68		
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa Al ₂ O ₃ 55,62%; SiO ₂ 30,63%; Fe ₂ O ₃ 2,16%; chịu nhiệt 16000 C.	Tấn	88,2		
4	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ 61,4% (Chịu nhiệt độ 1790 độ C.)	Tấn	10,5		
III	Bùn bịt lỗ gang					
1	Bùn bịt lỗ gang (dạng bùn khô)	Vữa Chịu lửa kết cấu: Al ₂ O ₃ ≥ 30%; SiC 5-15%; SiO ₂ ≤ 25%; C ≥ 12%; (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	420		
B	KHU VỰC LUYỆN THÉP					
I	Thùng trung gian 8T					
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ ≥ 65% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	48		
2	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: SiO ₂ ≥ 90 %; Fe ₂ O ₃ ≤ 2% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	600		
3	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: SiO ₂ ≥ 80%; Fe ₂ O ₃ ≤ 2,5% (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)		50		
4	Gạch bệ thùng trung gian	Gạch chịu lửa Al ₂ O ₃ ≥ 65%, kích thước (225x225x140)mm, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	1.000		
5	Cốc rót dưới F16 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, Al ₂ O ₃ ≥ 72%; Fe ₂ O ₃ ≤ 1%; F16 - F17 mm. cao 53 mm, miệng trên 125 mm, miệng dưới 115mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, tỷ trọng 1,2 kg/viên)	Viên	1.000		
6	Cốc rót trên F16,5 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, Al ₂ O ₃ ≥ 72%; Fe ₂ O ₃ ≤ 1%; Cao 180 mm, miệng trên 105 mm, miệng dưới 125 mm, F16,5-F17 mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, tỷ trọng ≥ 0,5kg/viên)	Viên	1.000		

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng $\pm 5\%$	Đơn giá	Thành tiền
7	Viên hoãn xung	Gạch chịu lửa dạng bột Al ₂ O ₃ 66,73%; SiO ₂ 27,34%; Fe ₂ O ₃ 0,75%; (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	500		
8	Cát dẫn dòng	Vật liệu chịu lửa dạng hạt (Đất sét chịu lửa SiO ₂ 73,51%; Cr ₂ O ₃ 8,74%), cỡ hạt <1 mm	Tấn	1,2		
9	Cơ cấu thay cốc nhanh		Bộ	20		
10	Gạch chèn khe hở cơ cấu thay cốc nhanh		Viên	1.000		
II	Lò Chuyên					
1	Bộ gạch lò thổi 20 tấn (Bao gồm chi phí xây, hoàn thiện và bàn giao)		Bộ	1,0		
2	Gạch vá lò	Gạch chịu lửa MgO $\geq 82\%$, C $\leq 4\%$, KT(200x150x60)mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	22		
3	Gạch lỗ ra thép	Gạch chịu lửa cửa ra thép lò thổi, MgO $\geq 76\%$; C $\geq 14\%$, kích thước dài 1080mm, đường kính ngoài ϕ 200mm, đường kính trong ϕ 100mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	Viên	60		
4	Liệu vá thủ công	Bột chịu lửa: MgO $\geq 75\%$, C $\geq 5\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1570 độ C)	Tấn	200		
5	Liệu vá cửa ra thép	Bột chịu lửa để vá tầng làm việc lò thổi; MgO $\geq 75\%$, C $\geq 3\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	Tấn	10		
6	Bi chắn xỉ	Bi chắn xỉ ϕ 160mm Al ₂ O ₃ + SiO ₂ $\geq 80\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C, tỷ trọng ≤ 15 kg/viên)	Tấn	80		
7	Bi chắn xỉ	Bi chắn xỉ ϕ 180mm Al ₂ O ₃ + SiO ₂ $\geq 80\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C, tỷ trọng ≤ 18 kg/viên)	Tấn	80		
III	Thùng nước gang 25 tấn					
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột đầm chịu lửa (Al ₂ O ₃ 60,8%; SiC 7,8%;	Tấn	30		
2	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa (Al ₂ O ₃ 61,4%)	Tấn	6		
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 55,62%; SiO ₂ 30,63%; Fe ₂ O ₃ 2,16%;	Tấn	53,28		
IV	Thùng thép 25T					
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa Al ₂ O ₃ + MgO $\geq 80\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, dùng cho lò luyện kim).	Tấn	1.005		
2	Gạch thấu khí	Gạch chịu lửa Al ₂ O ₃ + Cr ₂ O ₃ 96,10%; KT (300x300x370)mm (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	67		
3	Tấm trượt trên dưới	Gạch chịu lửa tấm trượt C40; Al ₂ O ₃ $\geq 80\%$; C $\geq 3\%$; KT (239x159x40)mm (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	20.000		

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng ±5%	Đơn giá	Thành tiền
4	Gạch bệ thùng thép	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 81,06%;), KT (300x300x300)mm	Viên	67		
5	Gạch cửa thép lồng trên	Gạch chịu lửa cửa trên thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 80,46%; C 5,72%;	Viên	667		
6	Gạch cửa thép lồng dưới	Gạch chịu lửa cửa dưới thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 76,12%; C 5,86%;	Viên	10.000		
7	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa: Al ₂ O ₃ 61,4% (Chịu nhiệt độ 1790 độ C)	Tấn	18		
8	Cát dẫn dòng	VLCL dạng hạt (Đất sét chịu lửa SiO ₂ 73,51%;Cr ₂ O ₃ 8,74%), cỡ hạt <1 mm	Tấn	60		
9	Cơ cấu trượt thùng thép		Bộ	12		
Tổng cộng						
Thuế GTGT 10%						
Tổng cộng sau thuế						

(Bằng chữ:)

Giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí khác (nếu có) và được thực hiện giao hàng tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, địa chỉ: Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

1.2. Tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa:

1.2.1 Các tiêu chuẩn của hàng hóa: Hàng hóa cung cấp mới 100%, đảm bảo được các yêu cầu sản xuất của bên sử dụng, đồng thời phải đáp ứng được các điều kiện cụ thể theo bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: Thời gian sử dụng tối thiểu của các hạng mục chính

TT	TÊN KHU VỰC/ CHUNG LOẠI HÀNG HÓA	THỜI GIAN SỬ DỤNG TỐI THIỂU
A	KHU VỰC LUYỆN GANG	
A.1	Máng ra gang	
	- Bê tông đầm máng gang	60 ngày sản xuất
	- Bê tông Ụ chắn xỉ	60 ngày sản xuất
A.2	Gạch thùng gang 35 tấn	600 mẻ
A.3	Bùn bịt lỗ gang	Đảm bảo ra gang tối thiểu 24 mẻ/ngày, thời gian ra gang ổn định >35 phút/mẻ
B	KHU VỰC LUYỆN THÉP	
B.1	Thùng trung gian 8T	≥16h
B.2	Bộ gạch Lò thổi 20T	12.000 mẻ
B.3	Thùng nước gang 25 tấn	1.200 mẻ
B.4	Thùng thép 25T	150 mẻ
B.5	Gạch cửa thép lồng trên	≥ 15 mẻ

1.2.2. Định mức sử dụng và thời gian sử dụng tối thiểu của một số vật liệu không có trong bảng bảng 1 trên thì áp dụng theo bảng 2 dưới đây

Bảng 2: Định mức và thời gian sử dụng tối thiểu của một số vật liệu

STT	Tên khu vực/chủng loại hàng hóa	Quy cách	Định mức sử dụng	Thời gian sử dụng tối thiểu
A Khu vực Luyện Gang				
1	Bê tông đầm máng gang chính	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC+C \geq 10\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C,)	15 tấn/1 lần đầm	≥ 60 ngày
	Bê tông vá máng gang		05 tấn/60 ngày	
	Bê tông đầm máng dẫn xi		20 tấn/năm	
2	Bê tông đầm ụ chắn xi	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC \geq 22\%$, $C \geq 5\%$, $Fe_2O_3 \leq 0,8\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1800 độ C)	36 tấn/năm	≥ 60 ngày
B Khu vực Luyện Thép				
I Thùng Trung gian 8T				
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: $SiO_2 \geq 90\%$; $Fe_2O_3 \leq 2\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	1,3 tấn/1 lần đầm	≥ 16 giờ
2	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: $SiO_2 \geq 80\%$; $Fe_2O_3 \leq 2,5\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	1,3 tấn/1 lần đầm	≥ 08 giờ
3	Cốc rót dưới F16 - F17		2 viên/thùng	
4	Cốc rót trên F16,5 - F17		2 viên/thùng	
III Lò chuyển				
1	Gạch lỗ ra thép	Gạch chịu lửa cửa ra thép lò thổi, $MgO \geq 76\%$; $C \geq 14\%$, kích thước dài 1080mm, đường kính ngoài fi 200mm, đường kính trong fi 100mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	60 viên/năm	≥ 200 mẻ
III Thùng thép 25T				
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 + MgO \geq 80\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C).	14 tấn/1 lần đầm	≥ 150 mẻ
2	Bê tông đầm tầng làm việc (Vá thùng thép)	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 + MgO \geq 80\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C).	01 tấn	tối đa 03 lần vá/thùng
3	Gạch cửa thép lỏng trên	Gạch chịu lửa cửa trên thùng thép C40; $Al_2O_3 80,46\%$; $C 5,72\%$;	viên	≥ 15 mẻ

Điều 2: Giá trị hợp đồng:

Tổng giá trị Hợp đồng:..... đồng.

(Bằng chữ:)

Giá trị trên đây là giá trị tạm tính của Hợp đồng, giá trị chính thức của Hợp đồng được xác định cụ thể theo khối lượng sử dụng và chất lượng sử dụng thực tế của từng tháng được cung cấp theo Hợp đồng.

Điều 3: Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 4: Thời gian, địa điểm thực hiện hợp đồng.

4.1. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng được thực hiện trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ ngày **01/10/2021** đến hết ngày **30/9/2022**.

4.2. Địa điểm thực hiện: Tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng, địa chỉ: Km7, QL 4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điều 5: Nghiệm thu số lượng vật liệu tiêu hao và thanh toán:

5.1. Nghiệm thu số lượng vật liệu tiêu hao:

+ Vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cùng nhau tiến hành nghiệm thu số lượng vật liệu chịu lửa sử dụng của tháng (trên cơ sở biên bản nghiệm thu giao nhận hàng ngày) để làm cơ sở thanh toán.

+ Bên A chỉ nghiệm thu thanh toán cho bên B trong phạm vi định mức sử dụng tại Bảng 2, mục 1.4 điều 1 của Hợp đồng. (đối với trường hợp một số vật liệu sử dụng vượt định mức bên B phải tự chịu trách nhiệm)

5.2. Thanh toán: Bên A thanh toán 100% cho bên B giá trị tương ứng với số lượng vật liệu chịu lửa sử dụng trong tháng được hai bên nghiệm thu trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ sau:

+ Biên bản nghiệm thu thanh toán (khối lượng, đơn giá, thành tiền) có xác nhận ký đóng dấu của hai bên.

+ Chứng nhận CO, CQ (đối với hàng nhập khẩu); Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (đối với hàng trong nước sản xuất) kèm theo Hồ sơ thanh toán.

+ Hóa đơn GTGT

+ Đề nghị thanh toán

***Ghi chú:**

- Đối với bộ gạch lò thổi bên A sẽ thanh toán tối đa 70% giá trị sau khi bên B hoàn thành công tác xây lò và nghiệm thu đưa vào sử dụng và cung cấp đầy đủ chứng từ liên quan, 30% giá trị còn lại sẽ thanh toán sau khi hết thời gian bảo hành (>12.000 mẻ đối với bộ gạch lò thổi).

- Nếu bên B không đảm bảo số lượng VLCL dự phòng theo Hợp đồng quy định tại Bảng 3, mục 6.2 Điều 6 thì Bên A chỉ thanh toán 75% giá trị khối lượng được nghiệm thu trong tháng cho bên B, 25% giá trị còn lại sẽ thanh toán sau khi Bên B đảm bảo đủ số lượng VLCL dự phòng theo yêu cầu của Bên A (có biên bản xác nhận khối lượng dự phòng kèm theo) và/hoặc kỳ thanh toán của tháng kế tiếp.

5.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng Việt Nam đồng hoặc bù trừ Công nợ (nếu có).

Điều 6: Trách nhiệm của các bên:

6.1. Trách nhiệm của bên A:

- Chuẩn bị đầy đủ nhân sự, các phương tiện, kho bãi để hỗ trợ bên B nhận hàng và chuyển đến vị trí sản xuất. Bên A sẽ cung cấp cho bên B danh sách các cán bộ phụ trách việc giao nhận và vận chuyển vật liệu.

- Cung cấp kế hoạch sử dụng hàng tháng cho bên B (Các loại gạch chịu lửa, vật liệu di hình cung cấp kế hoạch trước 45 ngày; Vật liệu đầm bê tông cung cấp kế hoạch trước 15 ngày, bộ gạch lò thổi trước 90 ngày...)

- Nghiệm thu thanh toán bộ gạch lò thổi sau không quá 60 ngày kể ngày bên B giao hàng và ký biên bản giao Bộ gạch tại Nhà máy.

- Bên A hỗ trợ phương tiện để hạ hàng cho bên B.

- Đảm bảo việc thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho bên B.

- Cung cấp các tài liệu kỹ thuật liên quan đến việc cung cấp Cung cấp hàng hóa của bên B.

6.2. Trách nhiệm của bên B:

- Bảo đảm cung cấp đủ số lượng, chất lượng của các loại Vật liệu chịu lửa đáp ứng theo yêu cầu sản xuất của bên A. Khối lượng dự phòng tối thiểu đáp ứng 20 ngày sản xuất, cụ thể theo bảng 3 dưới đây:

Bảng 3: Số lượng dự phòng cho sản xuất

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng dự phòng $\pm 5\%$	Ghi chú
A	KHU VỰC LUYỆN GANG				
I	Máng ra gang				
1	Bê tông đầm máng gang	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC+C \geq 10\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C,)	Tấn	20	
2	Bê tông đầm ụ chắn xỉ	Bột chịu lửa, $Al_2O_3 \geq 65\%$, $SiC \geq 22\%$, $C \geq 5\%$, $Fe_2O_3 \leq 0,8\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1800 độ C)	Tấn	6	
II	Thùng nước gang 35 tấn (02 thùng)				
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa $Al_2O_3 + SiO_2 \geq 65\%$, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	6	
2	Bê tông vữa thùng gang	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 60,8\%$; $SiC 7,8\%$ (Chịu nhiệt độ 1790 độ C).	Tấn	2	
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa $Al_2O_3 55,62\%$; $SiO_2 30,63\%$; $Fe_2O_3 2,16\%$; chịu nhiệt 16000 C.	Tấn	18	
4	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 61,4\%$ (Chịu nhiệt độ 1790 độ C,)	Tấn	1	
III	Bùn bột lỗ gang				
1	Bùn bột lỗ gang (dạng bùn khô)	Vữa chịu lửa kết cấu: $Al_2O_3 \geq 30\%$; $SiC 5-15\%$; $SiO_2 \leq 25\%$; $C \geq 12\%$; (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	25	
B	KHU VỰC LUYỆN THÉP				
I	Thùng trung gian 8T (02 thùng)				
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa: $Al_2O_3 \geq 65\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	4	
2	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa: $SiO_2 \geq 90\%$; $Fe_2O_3 \leq 2\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	26	
3	Gạch bệ thùng trung gian	Gạch chịu lửa $Al_2O_3 \geq 65\%$, kích thước $(225 \times 225 \times 140)$ mm, (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	40	
4	Cốc rót dưới F16 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, $Al_2O_3 \geq 72\%$; $Fe_2O_3 \leq 1\%$; F16 - F17 mm. cao 53 mm, miệng trên 125 mm, miệng dưới 115mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	80	
5	Cốc rót trên F16,5 - F17	Gạch chịu lửa cốc rót thùng trung gian, $Al_2O_3 \geq 72\%$; $Fe_2O_3 \leq 1\%$; Cao 180 mm, miệng trên 105 mm, miệng dưới 125 mm, F16,5-F17 mm. (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	40	
6	Viên hoãn xung	Gạch chịu lửa dạng bột $Al_2O_3 66,73\%$; $SiO_2 27,34\%$; $Fe_2O_3 0,75\%$; (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	20	

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng dự phòng $\pm 5\%$	Ghi chú
7	Cơ cấu thay cốc nhanh		Bộ	4	
8	Gạch chèn khe hở cơ cấu thay cốc nhanh		Viên	40	
II	Lò Chuyển				
1	Gạch vá lò	Gạch chịu lửa MgO $\geq 82\%$, C $\leq 4\%$, KT(200x150x60)mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Tấn	5	
2	Gạch lỗ ra thép	Gạch chịu lửa cửa ra thép lò thổi, MgO $\geq 76\%$; C $\geq 14\%$, kích thước dài 1080mm, đường kính ngoài ϕ 200mm, đường kính trong ϕ 100mm; (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	Viên	5	
3	Liệu vá thủ công	Bột chịu lửa: MgO $\geq 75\%$, C $\geq 5\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1570 độ C)	Tấn	15	
4	Liệu vá cửa ra thép	Bột chịu lửa để vá tăng làm việc lò thổi: MgO $\geq 75\%$, C $\geq 3\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C)	Tấn	1	
5	Bi chắn xi	Bi chắn xi ϕ 160mm Al ₂ O ₃ + SiO ₂ $\geq 80\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C, tỷ trọng ≤ 15 kg/viên)	Tấn	7	
6	Bi chắn xi	Bi chắn xi ϕ 180mm Al ₂ O ₃ + SiO ₂ $\geq 80\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1650 độ C, tỷ trọng ≤ 18 kg/viên)	Tấn	7	
III	Thùng nước gang 25 tấn (01 thùng)				
1	Bê tông đầm tầng vĩnh cửu	Bột chịu lửa (Al ₂ O ₃ 60,8%; SiC 7,8%;)	Tấn	3,5	
2	Vữa cao nhôm	Bột chịu lửa (Al ₂ O ₃ 61,4%)	Tấn	0,7	
3	Gạch thùng nước gang	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 55,62%; SiO ₂ 30,63%; Fe ₂ O ₃ 2,16%;)	Tấn	5,92	
IV	Thùng thép 25T (02 thùng)				
1	Bê tông đầm tầng làm việc	Bột chịu lửa Al ₂ O ₃ + MgO $\geq 80\%$ (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C, dùng cho lò luyện kim).	Tấn	30	
2	Gạch thấu khí	Gạch chịu lửa Al ₂ O ₃ + Cr ₂ O ₃ 96,10%; KT (300x300x370)mm (Chịu nhiệt độ 1570 độ C)	Viên	2	
3	Tấm trượt trên dưới	Gạch chịu lửa tấm trượt C40; Al ₂ O ₃ $\geq 80\%$; C $\geq 3\%$; KT (239x159x40)mm (Chịu nhiệt độ ≥ 1550 độ C)	Viên	1.200	
4	Gạch bộ thùng thép	Gạch chịu lửa (Al ₂ O ₃ 81,06%;), KT (300x300x300)mm	Viên	2	
5	Gạch cửa thép lồng trên	Gạch chịu lửa cửa trên thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 80,46%; C 5,72%;	Viên	50	
6	Gạch cửa thép lồng dưới	Gạch chịu lửa cửa dưới thùng thép C40; Al ₂ O ₃ 76,12%; C 5,86%;	Viên	50	
7	Vữa cao nhôm	Vữa chịu lửa dạng bột Al ₂ O ₃ 61,4% (Chịu	Tấn	1,1	

STT	Tên khu vực	Quy cách	Đơn vị	Số lượng dự phòng $\pm 5\%$	Ghi chú
		nhệt độ 1790 độ C)			
8	Cát dẫn dòng	Vật liệu chịu lửa dạng hạt (Đất sét chịu lửa SiO ₂ 73,51%;Cr ₂ O ₃ 8,74%), cỡ hạt <1 mm	Tấn	4	
9	Cơ cấu trượt thùng thép		Bộ	2	

- Đưa các chuyên gia có trình độ kỹ thuật và tay nghề cao đảm việc giám sát số lượng, chất lượng các loại vật liệu cung cấp cho bên A và hướng dẫn quy trình thi công các loại vật liệu chịu lửa cho sản xuất. Bên B tự trả chi phí ăn nghỉ, đi lại.

- Giải quyết kịp thời các công việc phát sinh trong quá trình sản xuất trong 24h.

- Phối hợp với bên A giám sát quá trình thi công và ký biên bản xác nhận chất lượng, số lượng, cam kết đảm bảo an toàn kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng.

- Các loại Vật liệu cung cấp cho sản xuất của bên A, phải có xuất xứ rõ ràng và đảm bảo an toàn môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Tất cả các loại Vật liệu chịu lửa của bên B cung cấp cho sản xuất của bên A được giữ trong kho tại nhà máy. Kho này được bên A cung cấp miễn phí cho bên B và hàng hóa trong kho vẫn thuộc sở hữu của bên B và do bên B quản lý.

- Bên B có trách nhiệm quản lý và thu gom khung giá dựng hàng.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

7.1. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng, Bên B nộp cho Bên A Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 5% (năm phần trăm) giá trị hợp đồng tương đương đồng (Bằng chữ:). Bảo đảm hợp đồng bằng một trong các hình thức sau:

- Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

- Nộp tiền vào tài khoản Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng số TK: 3301 0000 017 892 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Cao Bằng.

- Trường hợp Bên B có công nợ dư tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng theo các hợp đồng kinh tế đã phát sinh trước đây thì có thể dùng phần dư có đó để chuyển thành bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu phần dư có đủ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng, nếu chưa đủ có thể chuyển khoản bổ sung cho phần thiếu hụt).

7.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày Bên B hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

7.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

7.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành việc giao nhận toàn bộ lô hàng hóa theo hợp đồng.

7.5. Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực.

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 8. Phạt vi phạm Hợp đồng:

8.1. Nếu bên B cung cấp hàng hóa chậm hoặc hàng hóa không đảm bảo chất lượng làm ảnh hưởng đến sản xuất của bên A thì sẽ bị phạt cụ thể như sau:

- Trong trường hợp sự cố sản xuất do lỗi của bên B, bị phạt 50.000.000 đồng/lần (Bằng chữ; năm mươi triệu đồng/lần)

- Trong trường hợp cấp hàng chậm ảnh hưởng sản xuất: 50.000.000 đồng/1 ngày (Nhưng tối đa không quá 03 ngày).

- Trong trường hợp chất lượng các loại Vật liệu chịu lửa không đảm bảo theo yêu cầu của hợp đồng theo Mục 1.2, Điều 1 của Hợp đồng này thì bên cung cấp Cung cấp phải chịu phạt cụ thể như sau:

TT	TÊN KHU VỰC/ CHUNG LOẠI HÀNG HÓA	THỜI GIAN SỬ DỤNG TỐI THIỂU	MỨC PHẠT		
A	KHU VỰC LUYỆN GANG				
A.1	Bê tông máng gang chính	60 ngày	50 triệu đồng (Sử dụng từ 50-60 ngày)	100 triệu đồng (Sử dụng từ 40- 49 ngày)	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 40 ngày)
A.1	Bê tông ụ chắn xi	60 ngày	50 triệu đồng (Sử dụng từ 50-60 ngày)	100 triệu đồng (Sử dụng từ 40- 49 ngày)	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 40 ngày)
A.2	Thùng nước gang 35 tấn	600 m ²	20 triệu đồng (Sử dụng từ 550-599 m ²)	40 triệu đồng (Sử dụng 500- 549 m ²)	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 500m ²)
B	KHU VỰC LUYỆN THÉP				
B.1	Bộ gạch Lò thổi	12.000 m ²	- 100 triệu đồng (Sử dụng từ 11.000-11.999 m ²) - 200 triệu đồng (Sử dụng từ 10.000-10.999 m ²) - 700 triệu đồng (Sử dụng từ 9.000 - 9.999 m ²) - 1.000 triệu đồng (Sử dụng từ 8.000 - 8.999 m ²) - 50% giá trị bộ gạch (Sử dụng từ 7.000-7.999 m ²) - Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 7.000 m ²)		
B.2	Thùng nước gang 25 tấn	1.200 m ²	20 triệu đồng (Sử dụng từ 1000-1199 m ²)	40 triệu đồng (Sử dụng 800- 999 m ²)	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 800 m ²)
B.3	Thùng thép 25T	150 m ²	- 2 triệu đồng/m ² (Sử dụng từ 120-149 m ²) - 01 triệu đồng/lần và (Vá từ lần thứ 4 đến lần thứ 6) - Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng dưới 120 m ² và/hoặc vá trên 6 lần)		
B.4	Thùng trung gian 8T (16h)	≥16h	10 triệu đồng (Sử dụng <16h)	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng <14h)	
B.5	Thùng trung gian 8T (08h)	≥08h	Không nghiệm thu thanh toán (Sử dụng <08h)		

- Trong trường hợp bên B cung cấp hàng hóa chậm hoặc chất lượng hàng hóa không đảm bảo (đến lần thứ 3) thì bên A có quyền tạm dừng hợp đồng và sẽ tìm nhà cung cấp khác để cung cấp hàng hóa đảm bảo cho sản xuất.

8.2. Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm trong Hợp đồng này dẫn đến thiệt hại về kinh tế cho bên kia thì phải chịu bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó. Nếu một trong hai bên đơn phương hủy bỏ Hợp đồng mà không có lý do chính đáng (lý do bất khả kháng) thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do việc đơn phương hủy bỏ Hợp đồng gây ra cho bên kia.

Điều 9. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp:

9.1. Hợp đồng được điều chỉnh theo quy định của luật pháp Việt Nam.

9.2. Hai bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc thì hai bên sẽ gặp nhau để bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thỏa thuận, bình đẳng và cùng có lợi.

9.3. Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày một trong hai bên có quyền đệ đơn đến tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để giải quyết. Phán quyết của tòa án là phán quyết cuối cùng, có hiệu lực đối với cả hai bên và buộc các bên phải tuân thủ. Bên thua phải chịu toàn bộ án phí để giải quyết vụ việc.

Điều 10. Bất khả kháng:

10.1. Các trường hợp bất khả kháng của Hợp đồng được thực hiện theo điều khoản bất khả kháng của Phòng Thương mại Quốc tế (ấn phẩm số 421 của ICC), nếu điều khoản bất khả kháng này không mâu thuẫn với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

10.2. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm, nhưng không chỉ là các sự kiện như: thiên tai (lũ lụt, động đất, hỏa hoạn, phun trào núi lửa, sóng thần); dịch họa; tội phạm; nổi loạn; khởi nghĩa; nổi dậy; bom mìn còn sót lại sau chiến tranh; khủng bố; hành động của kẻ thù nước ngoài; thù nghịch (có hoặc không có tuyên bố chiến tranh); chiến tranh; sức mạnh quân sự; tiếm nghịch; sung công; quốc hữu hóa; trừng phạt của chính quyền; bao vây; cấm vận; tranh chấp lao động; bãi công; đình công; đóng cửa doanh nghiệp hoặc bất kỳ nguyên nhân nào khác vượt qua sự kiểm soát của các bên.

10.3. Không bên nào phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng khi nguyên nhân của việc không thực hiện đó xuất phát từ hậu quả của sự kiện bất khả kháng. Không bên nào có quyền chấm dứt hợp đồng theo Điều 11 Hợp đồng trong những hoàn cảnh như vậy.

10.4. Bất kỳ bên nào đưa ra kháng định bất khả kháng như là lý do để biện minh cho việc không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ của mình có trách nhiệm trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chứng minh bằng văn bản và/hoặc bằng chứng cứ rằng các biện pháp hợp lý đã được thực hiện (tùy theo hoàn cảnh) để giảm thiểu sự chậm trễ hay các tổn thất phát sinh ra từ các sự kiện có thể dự đoán trước, rằng tất cả các nỗ lực không thể được miễn trách nhiệm đã được thực thi đầy đủ, và bên kia được thông báo kịp thời về sự kiện có thể xảy ra hay sự kiện đã xảy ra trên thực tế và chúng là có thể biện minh cho kháng định như vậy, sao cho các cảnh báo thận trọng khác có thể được coi là đã có.

10.5. Trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi sự kiện bất khả kháng qua đi, bên rơi vào tình trạng bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các bổn phận và nghĩa vụ của mình đã quy định trong Hợp đồng.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 30/9/2021 hoặc sau khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ của mình - tùy theo điều kiện nào xảy ra trước.

Điều 11. Chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng:

11.1. Hợp đồng đương nhiên chấm dứt trong các trường hợp sau:

11.1.1. Khi kết thúc thời hạn hiệu lực quy định tại Điều 10 Hợp đồng.

11.1.2. Khi một trong hai bên chấm dứt hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2014 (và/hoặc các văn bản pháp quy bổ sung, sửa đổi - nếu có) hoặc khi các bên thỏa thuận bằng văn bản để chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

11.1.3. Hai bên lập và ký Biên bản thanh lý hợp đồng trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Khoản 11.1 Điều 11 Hợp đồng.

11.2. Đình chỉ thực hiện hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, hủy bỏ hợp đồng:

11.2.1. Một trong các bên có quyền đình chỉ thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng nếu bên còn lại vi phạm việc thực hiện bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng và không khắc phục vi phạm đó trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày bên bị vi phạm ra văn bản thông báo, trong đó nêu rõ vi phạm đó. Bên vi phạm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng và các thiệt hại khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp này, các bên có nghĩa vụ thông báo cho bên kia biết trước thời điểm đình chỉ thực hiện hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng ít nhất là 07 (bảy) ngày.

11.2.2. Các bên không được phép đình chỉ thực hiện hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng nếu không phải trường hợp quy định tại Khoản 11.2.1 Điều 11 Hợp đồng. Nếu bên nào đình chỉ thực hiện hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng trái quy định thì phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do việc đình chỉ thực hiện hợp đồng, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng gây ra cho bên kia.

Điều 12. Điều khoản thi hành:

12.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng và phụ lục Hợp đồng phải được sự đồng ý bằng văn bản của hai bên.

12.2. Tất cả các thông báo theo Hợp đồng phải được gửi theo đường bưu điện, fax hoặc gửi trực tiếp cho đại diện có thẩm quyền của mỗi bên theo địa chỉ ghi trong Hợp đồng.

12.3. Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 03 (ba) bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN MUA
GIÁM ĐỐC

.....

Nguyễn Văn Phương